

NHẬN DIỆN TÍNH ĐẶC THÙ TRONG TU BỔ DI TÍCH

ĐOÀN BÁ CỬ*

Công tác tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử-văn hoá Việt Nam thể hiện tính truyền thống trong xây dựng các di tích Việt Nam, mang đậm dấu ấn lịch sử và bản sắc văn hoá Việt Nam. Tu bổ di tích là môn khoa học liên ngành, trong đó có xây dựng, là một công việc thiết yếu và hằng xuyên để bảo tồn và phát huy di sản văn hoá dân tộc. Nó hết sức đặc thù, chỉ tương đồng nhất định với ngành xây dựng, song dị biệt nhiều với ngay cả sửa chữa cải tạo công trình trong xây dựng. Chúng ta có thể nhận diện tính đặc thù của tu bổ, tôn tạo di tích trên một số tiêu chí phân tích sau đây:

Thứ nhất, xét về mục tiêu: Xây dựng nhằm đạt được sự tăng trưởng về số lượng hoặc nâng cao về chất lượng cơ sở vật chất cho một sản phẩm, một dịch vụ, một nhu cầu trong phạm vi kinh tế - kỹ thuật nhất định. Còn tu bổ, phục hồi, tôn tạo di tích nhằm bảo vệ các di tích lịch sử văn hoá trước tác động xấu của môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của di tích. Tu bổ, tôn tạo di tích phải đảm bảo giữ gìn tối đa và lâu dài các yếu tố nguyên gốc của di tích trên nhiều mặt phong cách, chất liệu, vị

trí, kỹ thuật truyền thống, dấu ấn lịch sử và tâm linh, đồng thời gắn bó thích nghi với môi trường cảnh quan.

Tính xuyên suốt trong mục tiêu của ngành xây dựng là kinh tế và chức năng sử dụng, còn tính xuyên suốt trong tu bổ di tích là bảo tồn và phát huy giá trị. Đây là một nét đặc thù từ gốc rễ có tính định hướng và chi phối toàn bộ các phương án, giải pháp của một dự án.

Thứ hai, xét về nội dung: Xây dựng bao gồm xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa xuất phát từ nhu cầu sử dụng kinh phí và ý tưởng sáng tạo của người thiết kế hoặc người chủ công trình. Còn tu bổ di tích bao gồm bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo di tích trên nền tảng những dữ liệu lịch sử, văn hoá về di tích, những giá trị kết tinh trong di tích.

Công tác tu bổ di tích cần những kiến thức đa ngành từ lịch sử, khảo cổ, văn hoá học, mỹ thuật học, dân tộc học, các khoa học tự nhiên như hoá, lý v.v... để đảm bảo cho công trình giữ được hoặc phục hồi được tính chuẩn xác lịch sử mà phần lớn đã bị phai mờ, bị phủ bụi thời gian và biến cố, nhất là ở vào điều kiện của nước ta. Khi tu bổ hoặc phục hồi chi tiết, phục hồi cục bộ đã rất phức tạp. Khi phục hồi công trình đã thành phế tích thì vấn đề đầu tư

* Ths. Phó giám đốc Công ty Tu bổ di tích và Thiết bị Văn hóa phẩm - Bộ Văn hóa Thông tin

nghiên cứu tư liệu, nghiên cứu khảo cổ, phân tích ngoại suy càng công phu, phức tạp và tốn kém hơn nhiều.

Ngay cả tôn tạo di tích là nội dung có vẻ gắn với xây dựng nhất cũng không phải là chỗ để tùy nghi sáng tạo. Về thực chất nó cũng đòi hỏi nghiên cứu mang tính chất phục hồi thích nghi quần thể và quy hoạch. Đây là nét đặc thù xuất phát từ sự hội tụ của các khoa học liên ngành.

Thứ ba, xét về đối tượng: xây dựng đối diện với đất đai, kỹ thuật, vật liệu và tiềm lực kinh tế, chủ yếu là các đối tượng vật chất và vật chất sử dụng. Còn đối tượng của tu bổ di tích không chỉ ở vật chất và vật chất sử dụng, mà còn giá trị văn hoá tinh thần, lịch sử và tâm linh hàm chứa trong nó mới thực sự có vai trò quyết định. Nó không chỉ là sự tôn trọng với lịch sử văn hoá dân tộc, không chỉ là khai thác tiềm năng cho du lịch, mà còn góp phần truyền nối lịch sử văn hoá,



giáo dục truyền thống bản sắc, cố kết nhân tâm, tham gia đắc lực vào chiến lược con người của Đảng ta. Đây là nét đặc thù xuất phát từ cội rễ văn hoá phương Đông.

Thứ tư, xét về kỹ thuật và công nghệ:

Công trình xây dựng là sản phẩm của vật liệu, kỹ thuật, công nghệ đương thời. Còn các di tích vốn là sản phẩm đơn chiếc của các nghề thủ công truyền thống. Việc tu bổ tôn tạo di tích phải sử dụng chính cái vật liệu, cái nghề truyền thống đã tạo nên nó. Trong khi xã hội hiện đại chỉ đào tạo ra những nghề hiện đại thì chỉ những lực lượng chuyên ngành mới chuẩn bị được đội ngũ, tiềm lực để đáp ứng yêu cầu này.

Trên thế giới, công nghệ kỹ thuật mới vẫn cần thiết trong bảo quản gia cường di tích. Tuy nhiên, trong xây dựng cải tạo có thể áp dụng bất cứ công nghệ nào. Còn trong bảo quản, gia cường trong tu bổ di tích thì chỉ công nghệ nào đáp ứng được sự giữ gìn nguyên dạng, màu sắc gốc cho di tích mới được quyền áp dụng mà thôi.

Thứ năm, xét về tính liên tục và hoàn

chỉnh của dự án: Công việc đầu tư xây dựng có thể và cần phải chia cắt khá độc lập và hoàn chỉnh các giai đoạn nghiên cứu lập báo cáo khả thi dự án, thiết kế kỹ thuật, thi công thực hiện dự án. Trong đầu tư tu bổ di tích cũng cần phải chia cắt các giai đoạn tương ứng. Tuy nhiên, trong tu bổ di tích, nhất là di tích kiến trúc gỗ Việt Nam, thì công tác khảo sát thiết kế không thể hoàn chỉnh khi chưa hạ giải công trình, công tác thiết kế không những thực hiện trong giai đoạn thiết kế mà phải tiếp tục thực

hiện trong suốt quá trình thi công thực hiện. Quá trình hạ giải chính là tiếp tục nghiên cứu để hoàn chỉnh giải pháp, khối lượng tu bổ, đồng thời điều chỉnh để thiết kế đi gần đến bản gốc của di tích. Đây là một đặc thù mà các quy định về quản lý đầu tư tu bổ di tích không thể bỏ qua trong quá trình hoàn thiện.

Thứ sáu, xét về giá trị và cơ cấu giá trị của sản phẩm: Giá trị vật liệu và hao mòn thiết bị chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng giá trị công trình xây dựng. Còn trong sản phẩm tu bổ di tích thì bên cạnh giá trị vật liệu lớn, giá trị chất xám và tay nghề thủ công cũng chiếm một tỷ lệ quan trọng.

Nếu xét một cách tổng thể, công trình xây dựng qua đầu tư bao giờ cũng tăng lên về giá trị. Còn di tích qua đầu tư tu bổ tôn tạo có thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích, cũng có thể không bảo tồn mà còn tổn hại đến giá trị của di tích. Đây cũng là một đặc thù đòi hỏi sự tham gia của các lực lượng chuyên ngành với các định chế quản lý đặc thù để tránh được hoặc chí ít là hạn chế được những tổn thất cho di tích.

Thứ bảy, xét về cơ cấu lợi ích: Việc đầu tư công trình xây dựng có thể vì lợi ích xã hội, lợi ích các thành phần kinh tế hoặc các cá nhân. Còn công tác tu bổ di tích luôn được đầu tư và sử dụng vì lợi ích xã hội. Hiệu quả của công tác tu bổ di tích về mặt vật chất đã rất có giá trị, song về mặt xã hội tinh thần cũng rất lớn, nhiều khi được coi là vô giá.

Thứ tám, xét về độ quan tâm và giám sát của xã hội: Độ quan tâm của xã hội với các công trình xây dựng khác

nhau thì khác nhau, song việc giám sát công trình xây dựng chỉ là việc của chủ đầu tư, của tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế. Các đối tượng xã hội khác sẽ gặp phải tám biển đề “*không phận sự miễn vào*”. Còn công trình tu bổ di tích thì luôn được sự quan tâm, sự giám sát hết sức rộng rãi của mọi tầng lớp nhân dân. Mọi hay dở của tư vấn thiết kế và thi công luôn ở vào vùng nhạy cảm của xã hội.

Thứ chín, xét về nguyên tắc khoa học và định chế quản lý: Dự án tu bổ, phục hồi tôn tạo di tích phải tuân thủ “Luật di sản văn hoá” của nước ta cũng như những nguyên tắc cơ bản của các Hiến chương Quốc tế, công ước Quốc tế về bảo tồn phục hồi di sản.

Với đặc thù này, dù dự án được chi phối bởi những quan điểm nào, trường phái nào thì cũng rất khác biệt so với một dự án đầu tư xây dựng. Phải chăng khi những định chế quản lý đó mâu thuẫn nhau, thì vị thế ưu tiên phải thuộc về “Luật di sản văn hoá”.

Chín đặc điểm chuyên ngành trên đã góp phần nhận diện tính đặc thù trong tu bổ di tích Việt Nam. Những đặc thù đó không chỉ chi phối tới hoạt động của những tổ chức và cá nhân tham gia tu bổ di tích, mà còn đòi hỏi được nghiên cứu đổi mới công tác quản lý nhà nước để các hoạt động xã hội tu bổ tôn tạo di tích lịch sử - văn hoá đạt được chất lịch sử, chất văn hoá cao hơn./.

Đ.B.C